TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 62/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21/09/2023
V/v: Kiện Ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trương Quang Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Oanh.

2. Ông Nguyễn Văn Hải.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Thúy Vịnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 09 năm 2023, tại phòng xử án, Trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2023 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2023/QĐXX- ST ngày 22 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/QĐST- HNGĐ ngày 06 tháng 09 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Ngọc Q, sinh năm 1970 (Có mặt).

Địa chỉ: T A, thị trấn PA, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 19/8, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa ông Phạm Ngọc Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Lê Thị H sống chung với nhau từ năm 1990 trên cơ sở tự nguyện, không tổ chức lễ cưới. Vào ngày 19/9/1990, chúng tôi đến Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để làm thủ tục xin đăng ký kết hôn nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi về sống chung, vợ chồng sống không hạnh phúc, không có tiếng nói chung nên giữa tôi và bà H thường xuyên cãi nhau. Thời gian đầu do các con còn nhỏ nên tôi đã cố gắng để vợ chồng chung sống nuôi con, tuy nhiên mọi cố gắng đều không có kết quả. Đến năm 2013, tôi và bà H sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau. Xét tình cảm vợ chồng không còn, tôi và bà H chưa đăng ký kết hôn. Do vậy, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi và bà Lê Thị H được ly hôn.

- Về con chung: Tôi và bà Lê Thị H có 02 con chung: Phạm Thị Thu H1, sinh ngày 02/11/1990; Phạm Vũ H2, sinh 13/3/1992. Hiện nay các cháu đã có gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn bà Lê Thị H trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Q sống chung với nhau từ năm 1989 trên cơ sở tự nguyện không tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại UBND xã E ngày 19/9/1990, hiện nay giấy chứng nhận kết hôn đã bị thất lạc. Sau khi về chung sống, vợ chồng tôi sống với nhau tương đối hạnh phúc. Tuy nhiên, thỉnh thoảng cũng có xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau nhưng không thường xuyên. Đến năm 2015 ông Q tự ra sống riêng và từ đó đến nay vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc đến nhau. Mặc dù vợ chồng sống không hạnh phúc nhưng do ông Q nộp đơn nhưng không báo cho tôi biết, nội dung đơn của ông Q trình bày không đúng thực tế, nên tôi đề nghị ông Q phải khai cho đúng sự thật thì tôi mới chấp nhận ly hôn.

- Về con chung: Tôi và ông Q có 02 con chung là Phạm Thị Thu H1, sinh ngày 02/11/1990 và Phạm Vũ H2, sinh 13/3/1992. Hiện nay các cháu đều đã lớn và có gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay, ông Q giữ nguyên quan điểm yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án không công nhận ông Phạm Ngọc Q và bà Lê Thị H là vợ chồng. Về phần con chung, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Lê Thị H vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

- Đối với việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bà Lê Thị H vắng mặt lần thứ hai, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà Lê Thị H.

- Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đề nghị HĐXX, tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Phạm Ngọc Q và bà Lê Thị H là vợ chồng.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông Phạm Ngọc Q và bà Lê Thị H không yêu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền: Nguyên đơn ông Phạm Ngọc Q khởi kiện xin ly hôn đối với bà Lê Thị H, thường trú tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 BLTTDS, Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn ly hôn đề ngày 06 tháng 6 năm 2023 của ông Phạm Ngọc Q, Toà án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Kiện ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Về sự vắng mặt của bị đơn bà Lê Thị H tại phiên toà: Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số

31/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06/9/2023 cho bà Lê Thị H, tuy nhiên bà H vắng mặt không có lý do. Áp dụng khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà Lê Thị H là có căn cứ.

[2]. Xét về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Ngọc Q:

[2.1]. Xét về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình thu thập chứng cứ, bà Lê Thị H cho rằng: "Ngày 19/9/1990 bà và ông Phạm Ngọc Q đã đến UBND xã E, huyện K làm thủ tục xin đăng ký kết hôn và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do thời gian đã lâu nên Giấy chứng nhận kết hôn đã bị thất lạc. Để chứng minh lời trình bày trên, bà H cung cấp cho Tòa án 01 đơn xin đăng ký kết hôn lập ngày 11/9/1990 có chữ ký của ông Q, bà H và được ban chấp hành đội 19/5 xác nhận. Ngày 11/9/1990, ông Q bà H đề nghị Nông trường PA xác nhận vào đơn đăng ký kết hôn và đến ngày 19/9/1990, ông Q bà H đến UBND xã E đề nghị xác nhận nội dung: Công nhận ĐKKH kể từ ngày ký 19.9.1990".

Tuy nhiên ông Phạm Ngọc Q khai nhận: Ngày 19/9/1990, ông Q và bà H có đến Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để làm thủ tục xin đăng ký kết hôn nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận kết hôn, chỉ được UBND xã xác nhận với nội dung "Công nhận ĐKKH kể từ ngày ký 19.9.1990". Do vậy, ông không có giấy chứng nhận kết hôn để cung cấp cho Tòa án.

Để có cơ sở pháp lý giải quyết vụ án, ngày 19/7/2023, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã đến UBND xã E xác minh và được cung cấp như sau: "Quá trình kiểm tra hồ sơ lưu tại UBND xã E xác định trong năm 1990 không có trường hợp nào có tên Phạm Ngọc Q và Lê Thị H đăng ký kết hôn tại UBND xã E. Nội dung: "Công nhận ĐKKH kể từ ngày ký 19.9.1990" là không đúng và không đủ cơ sở theo quy định của pháp luật để công nhận ông Phạm Ngọc Q và bà Lê Thị H đã đăng ký kết hôn tại UBND xã E vào ngày 19/9/1990", (Bút lục số 25).

Như vậy, lời khai của ông Q phù hợp với kết quả xác minh tại UBND xã E, HĐXX xét thấy đã có đủ căn cứ pháp lý để chứng minh, việc ông Phạm Ngọc Q và bà Lê Thị H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm luật hôn nhân và gia đình. Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng…".

Từ những phân tích trên, HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b, khoản 3 Nghị quyết số 35/ 2000/QH10

ngày 09 tháng 06 năm 2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình để không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phạm Ngọc Q và bà Lê Thị H là có cơ sở.

[2.2] Về con chung: Ông Phạm Ngọc Q và bà Lê Thị H có 02 con chung là Phạm Thị Thu H1, sinh ngày 02/11/1990 và Phạm Vũ H2, sinh 13/3/1992. Hiện nay chị H1 và anh H2 đã trên 18 tuổi, có quyền quyết định cuộc sống riêng của mình, do vậy HĐXX không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Ngọc Q và bà Lê Thị H không yêu cầu nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc ông Phạm Ngọc Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70; Điều 147; Điều 203, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Phạm Ngọc Q.

+ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Phạm Ngọc Q và bà Lê Thị H là vợ chồng.

+ Về con chung: Chị Phạm Thị Thu H1 và anh Phạm Vũ H2 đã đủ 18 tuổi nên Tòa án không đề cập giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Ông Phạm Ngọc Q và bà Lê Thị H không yêu cầu nên Toà án không đề cập giải quyết.

+ Về án phí: Ông Phạm Ngọc Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi

cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2021/0017140 ngày 13 tháng 6 năm 2023.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKS huyện Krông Pắc;
- THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ,VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Quang Vinh